# ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐỌC MỞ RỘNG TRONG DẠY HỌC KỸ NĂNG ĐỌC TIẾNG VIỆT CHO HỌC VIÊN QUỐC TẾ TẠI HỌC VIỆN QUÂN Y

**Lê Kim Hoàn, Nguyễn Thị Lan Hương**
**Học viện Quân y**
**Email: kimhoan269@gmail.com**

***Tóm tắt:*** *Nghiên cứu đánh giá khả năng tích hợp đọc mở rộng (ĐMR) vào giờ học kỹ năng đọc tiếng Việt cho học viên quốc tế Lào - Campuchia tại Học viện Quân y. Nghiên cứu hành động theo hướng hỗn hợp được triển khai trong 12 tuần với 33 học viên đã hoàn thành trình độ B1; ĐMR được tổ chức hai buổi/tuần, 20 phút cuối mỗi buổi. Dữ liệu gồm 33 bảng hỏi, 6 bản ghi chép phỏng vấn nhóm, 24 báo cáo ĐMR và 10 phiếu ĐMR. Kết quả ghi nhận 2.508 lượt đọc, trung bình 76 lượt/học viên; 93,7% lượt đọc được đánh giá từ "khá thú vị" trở lên. Tất cả học viên cho biết thích ĐMR và nhận thấy học được nhiều từ mới hơn; 24/33 học viên tiếp tục đọc dù chưa hiểu toàn bộ từ mới. Động lực từ bạn học và quyền tự chọn tài liệu là những yếu tố nổi bật, trong khi thiếu tài liệu phân bậc, khó sàng lọc nguồn trực tuyến và hạ tầng Internet là các trở ngại chính. Kết quả cho thấy ĐMR có tiềm năng hỗ trợ sự tham gia, thái độ đọc và chiến lược xử lý từ vựng; tuy nhiên chưa đủ cơ sở để khẳng định mức tăng năng lực đọc do nghiên cứu không có nhóm đối chứng và phép đo trước - sau khách quan.*

***Từ khóa:*** *đọc mở rộng; kỹ năng đọc; tiếng Việt như một ngoại ngữ; học viên quốc tế; nghiên cứu hành động.*

# APPLYING EXTENSIVE READING TO TEACHING VIETNAMESE READING SKILLS TO INTERNATIONAL LEARNERS AT VIETNAM MILITARY MEDICAL UNIVERSITY

***Abstract:*** *This study examines the integration of extensive reading (ER) into Vietnamese reading classes for Lao and Cambodian international learners at Vietnam Military Medical University. A mixed-methods action research design was implemented over 12 weeks with 33 learners who had completed B1-level Vietnamese. ER was conducted twice a week during the final 20 minutes of each lesson. Data consisted of 33 questionnaires, six group-interview records, 24 ER reports, and 10 reading-response sheets. The program generated 2,508 reading instances, averaging 76 per learner, and 93.7% of the readings were rated at least "fairly interesting." All learners reported liking ER and perceiving vocabulary gains, while 24 of 33 continued reading despite not understanding every unfamiliar word. Peer influence and freedom of text choice emerged as important motivational factors. Major constraints included the lack of graded Vietnamese readers, difficulty evaluating online materials, and unstable Internet access. The findings suggest that classroom-based ER can support engagement, positive reading attitudes, and vocabulary-handling strategies. However, causal claims about reading proficiency are not warranted because the study lacked a control group and objective pre-post measures.*

***Keywords:*** *extensive reading; reading skills; Vietnamese as a foreign language; international learners; action research.*

*Nhận bài: 19/06/2026* *Phản biện: 19/07/2026* *Duyệt đăng: 22/07/2026*

## I. GIỚI THIỆU

Đọc là kỹ năng tiếp nhận có vai trò đặc biệt đối với người học ngôn ngữ thứ hai, bởi phần đáng kể tri thức học thuật và từ vựng được tiếp cận thông qua văn bản. Trong bối cảnh Học viện Quân y, học viên quốc tế Lào và Campuchia sau giai đoạn dự khóa tiếng Việt phải tiếp tục học các môn y, dược bằng tiếng Việt; vì vậy, khả năng xử lý lượng lớn giáo trình, tài liệu chuyên ngành và văn bản học thuật là một yêu cầu thiết thực. Tuy nhiên, hoạt động đọc trong chương trình dự khóa chủ yếu theo hướng đọc chuyên sâu: giảng viên giải thích từ mới và cấu trúc, sau đó học viên đọc để trả lời câu hỏi. Cách tiếp cận này cần thiết cho việc hình thành kỹ năng đọc hiểu có kiểm soát nhưng chưa tạo nhiều cơ hội để người học tự lựa chọn văn bản, đọc với số lượng lớn và hình thành thói quen đọc tự chủ.

Đọc mở rộng (extensive reading - ER/ĐMR) bổ sung cho đọc chuyên sâu bằng việc khuyến khích người học đọc nhiều tài liệu tương đối dễ, đa dạng và phù hợp với sở thích, với trọng tâm là nắm ý nghĩa chung, tìm thông tin và đọc vì hứng thú (Day & Bamford, 2002). Những tổng hợp nghiên cứu gần đây cho thấy ĐMR có tác động tích cực ở nhiều phương diện của việc học ngôn ngữ thứ hai, trong đó có đọc hiểu, tốc độ đọc, từ vựng và động lực; tuy nhiên, hiệu quả phụ thuộc đáng kể vào chất lượng triển khai, mức độ phù hợp của tài liệu và cách kết nối hoạt động đọc với lớp học (Ng et al., 2019; Robb & Ewert, 2024; Sangers et al., 2025).

Ở Việt Nam, phần lớn nghiên cứu ĐMR tập trung vào người học tiếng Anh. Với tiếng Việt như một ngoại ngữ, đặc biệt đối với học viên Lào -

Campuchia học dự khóa để chuyển tiếp sang đào tạo chuyên ngành, nghiên cứu thực nghiệm còn hạn chế. Một trở ngại quan trọng là chưa có hệ thống sách đọc phân bậc (graded readers) phong phú tương tự nhiều chương trình tiếng Anh. Từ khoảng trống đó, nghiên cứu này triển khai ĐMR ngay trong giờ học đọc thay vì chỉ xem như hoạt động ngoại khóa. Mục tiêu là: (1) mô tả sự tham gia, thái độ và những thay đổi được người học cảm nhận về chiến lược đọc/từ vựng trong quá trình ĐMR; (2) xác định thuận lợi, khó khăn và đề xuất điều kiện triển khai ĐMR phù hợp với lớp tiếng Việt dự khóa cho học viên quốc tế.

## II. TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

### 2.1. Khái niệm và nguyên tắc của đọc mở rộng

Day và Bamford (2002) xem ĐMR là cách tiếp cận trong đó người học đọc nhiều tài liệu tương đối dễ, được tự lựa chọn và chủ yếu đọc để hiểu ý nghĩa, tìm thông tin hoặc thưởng thức. ĐMR chú trọng xử lý ý nghĩa ở cấp độ văn bản thay vì phân tích từng từ, cấu trúc ngữ pháp. Các nguyên tắc cốt lõi gồm: tài liệu đa dạng, dễ hiểu; người học được lựa chọn; khối lượng đọc đủ lớn; tốc độ tương đối nhanh; đọc vì hứng thú và hiểu nghĩa tổng thể; giáo viên hướng dẫn, khuyến khích; hoạt động sau đọc ngắn gọn, tránh biến ĐMR thành bài kiểm tra.

Mức độ phù hợp của văn bản có vai trò quan trọng. Văn bản quá khó khiến người học thường xuyên tra từ, dịch từng câu và giảm tốc độ đọc; ngược lại, văn bản vừa sức giúp đoán nghĩa qua ngữ cảnh và duy trì hứng thú. Do đó, nguồn đọc phân bậc đặc biệt cần thiết, nhất là với tiếng Việt như một ngoại ngữ.

### 2.2. Lợi ích của đọc mở rộng và khoảng trống nghiên cứu

Các nghiên cứu cho thấy ĐMR hỗ trợ tái gặp từ vựng trong nhiều ngữ cảnh, phát triển vốn từ tiếp nhận và khả năng sử dụng từ (Horst, 2005). Suk (2017) ghi nhận tác động tích cực đối với đọc hiểu, tốc độ đọc và từ vựng; McLean và Rouault (2017) cho thấy ĐMR cải thiện tốc độ đọc. Liu và Zhang (2018) chỉ ra tác động tích cực đối với việc học từ vựng, trong khi Sangers và cộng sự (2025) kết luận ĐMR tạo hiệu quả từ nhỏ đến trung bình đối với nhiều năng lực ngôn ngữ và động lực học tập.

ĐMR cũng có thể tăng thái độ và động lực đọc nhờ quyền lựa chọn, cảm giác tự chủ và môi trường ít áp lực. Tuy nhiên, Robb & Ewert (2024) nhấn mạnh không có một mô hình ĐMR phù hợp cho mọi bối cảnh; giáo viên cần đồng thời giải quyết vấn đề tài liệu, theo dõi quá trình đọc, mục tiêu số lượng, nhiệm vụ sau đọc và hỗ trợ người học yếu. Điều này đặc biệt đáng lưu ý với tiếng Việt như một ngoại ngữ khi nguồn graded readers còn hạn chế.

Nghiên cứu hiện tại tập trung đánh giá giá trị sư phạm và tính khả thi của ĐMR trong một lớp dự khóa tiếng Việt, theo hướng nghiên cứu hành động nhằm quan sát sự tham gia, nhận thức và trải nghiệm của người học để điều chỉnh thực hành giảng dạy.

## III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 3.1. Thiết kế, bối cảnh và người tham gia

Nghiên cứu được thiết kế theo mô hình nghiên cứu hành động trong lớp học (Burns, 2010), kết hợp dữ liệu định lượng mô tả và dữ liệu định tính. Người tham gia gồm 33 học viên quốc tế Lào - Campuchia thuộc một lớp dự khóa tiếng Việt tại Học viện Quân y. Nghiên cứu được tiến hành sau khi học viên hoàn thành chương trình B1 và đang chuyển sang giai đoạn B2. Việc chọn nghiên cứu hành động phù hợp với mục tiêu cải thiện một thực hành giảng dạy cụ thể, trong đó giảng viên đồng thời là người tổ chức hoạt động và nhà nghiên cứu.

**Bảng 1. Tóm tắt thiết kế và quy trình triển khai ĐMR**

| Thành phần | Mô tả | Ghi chú |
|---|---|---|
| Người tham gia | 33 học viên quốc tế Lào - Campuchia | Đã hoàn thành B1 |
| Thời gian | 12 tuần | 29/7 - 18/10 theo báo cáo nghiên cứu |
| Tần suất | 2 buổi/tuần | 20 phút cuối mỗi buổi |
| Tài liệu | Bộ Tiếng Việt Vui và tài liệu trực tuyến | Người học tự chọn theo trình độ /sở thích |
| Dữ liệu | 33 bảng hỏi; 6 ghi chép phỏng vấn nhóm; 24 báo cáo ĐMR; 10 phiếu ĐMR | Đối chiếu nhiều nguồn dữ liệu |

**3.2. Vật liệu và quy trình đọc mở rộng**

Nguồn đọc chính là bộ Tiếng Việt Vui gồm sáu quyển có mức độ tăng dần, chứa bài đọc, hội thoại và truyện ngắn về các chủ đề gần gũi như sức khỏe, giao thông, cộng đồng, thể thao, lễ hội và nghệ thuật. Ngoài ra, học viên được phép sử dụng điện thoại, máy tính bảng hoặc máy tính xách tay để tìm tài liệu tiếng Việt trên Internet. Giảng viên hướng dẫn cách chọn nguồn đáng tin cậy và văn bản phù hợp với khả năng ngôn ngữ.

Mỗi tuần có hai buổi ĐMR, mỗi buổi kéo dài 20 phút ở cuối giờ đọc. Học viên đọc yên lặng, ưu tiên nắm nội dung chung, được khuyến khích đoán nghĩa hoặc bỏ qua từ không quan trọng thay vì liên tục dừng lại tra từ điển. Sau khi đọc, học viên điền báo cáo ngắn về tiêu đề, thể loại, nguồn, mức độ thú vị và lý do lựa chọn. Cuối một số tuần, một số học viên viết phiếu phản hồi và trình bày ngắn nội dung/cảm nhận về văn bản đã đọc.

**3.3. Công cụ thu thập và phân tích dữ liệu**

Ba nhóm công cụ được sử dụng để tăng khả năng đối chiếu dữ liệu. Thứ nhất, bảng hỏi gồm 12 nhận định theo thang Likert bốn mức, tập trung vào thái độ đọc, xử lý từ mới, cảm nhận về tốc độ đọc, hoạt động chia sẻ và động cơ tham gia. Thứ hai, 33 học viên được chia thành sáu nhóm để phỏng vấn bán cấu trúc với sáu câu hỏi về cách ĐMR, khó khăn, lợi ích cảm nhận, cảm xúc, nhiệm vụ sau đọc và đề xuất cải thiện. Thứ ba, báo cáo/phiếu ĐMR cung cấp dữ liệu về số lượt đọc, thể loại, nguồn, mức độ thú vị và lý do lựa chọn tài liệu.

Dữ liệu bảng hỏi và báo cáo được tổng hợp bằng thống kê mô tả; dữ liệu phỏng vấn được mã hóa theo chủ đề. Kết quả từ các nguồn được đối chiếu để nhận diện những mẫu lặp lại. Nghiên cứu đã được đơn vị chuyên môn và hội đồng nghiên cứu của Học viện Quân y thông qua; người học được giải thích mục đích, quyền tham gia tự nguyện và nguyên tắc bảo mật trước khi đồng ý tham gia.

**IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN**

**4.1. Mức độ tham gia và khối lượng đọc**

Trong 12 tuần, hệ thống báo cáo ghi nhận 2.508 lượt đọc. Trung bình mỗi học viên có khoảng 76 lượt đọc, tương đương khoảng 3,1 lượt trong mỗi khoảng 20 phút ĐMR. Câu chuyện ngắn chiếm tỷ lệ lớn nhất (1.452 lượt; 57,9%), tiếp đến là tin giải trí (10,2%), thể thao (9,8%), xã hội (8,3%), các tin khác (7,2%) và sức khỏe - giáo dục (6,6%). Những con số này phản ánh mức độ tham gia đáng kể và cho thấy văn bản ngắn, có nội dung gần gũi là lựa chọn chủ đạo của người học.

Dữ liệu phỏng vấn củng cố kết quả trên: người học thường mô tả ĐMR bằng các ý "đọc những gì mình thích", "đọc để biết thông tin", "đọc để thưởng thức" và "đọc càng nhiều càng tốt". Đây là dấu hiệu cho thấy mục đích đọc đã dịch chuyển một phần từ hoàn thành bài tập sang xử lý ý nghĩa và lựa chọn theo nhu cầu cá nhân. Tuy nhiên, do nghiên cứu không có số liệu khối lượng đọc trước can thiệp, 2.508 lượt đọc nên được hiểu là chỉ báo về mức độ tham gia trong chương trình, không phải bằng chứng trực tiếp rằng ĐMR làm tăng khối lượng đọc so với một điều kiện đối chứng.

**Bảng 2. Một số chỉ báo chính về sự tham gia và trải nghiệm ĐMR**

| Chỉ báo | Kết quả | Tỷ lệ/diễn giải |
|---|---|---|
| Tổng lượt đọc | 2.508 | 76 lượt/học viên trong 12 tuần |
| Đánh giá tài liệu từ "khá thú vị" trở lên | 2.349/2.508 | 93,7% |
| Thích ĐMR trong giờ học | 33/33 | 100% đồng ý/rất đồng ý |
| Cảm thấy đọc nhanh hơn trước | 27/33 | 81,8% đồng ý/rất đồng ý |
| Tiếp tục đọc dù chưa hiểu toàn bộ từ mới | 24/33 | 72,7% đồng ý/rất đồng ý |
| Nhận thấy học được nhiều từ mới hơn | 33/33 | 100% đồng ý/rất đồng ý |
| Thích nghe bạn nói về sách/văn bản đã đọc | 33/33 | 100% đồng ý/rất đồng ý |
| Đọc vì giáo viên muốn | 4/33 | 12,1% đồng ý/rất đồng ý |

4.2. Thái độ đối với ĐMR và tài liệu đọc

Bảng hỏi cho thấy cả 33 học viên đều chọn "đồng ý" hoặc "rất đồng ý" với nhận định thích ĐMR trong giờ học. Trong phỏng vấn, 26/33 học viên mô tả cảm xúc tích cực, thường sử dụng các từ như "thú vị", "thoải mái", "phấn khích" và "thư giãn"; bảy học viên cho biết có cảm giác lo lắng ở một mức độ nhất định. Thái độ tích cực cũng thể hiện ở đánh giá tài liệu: trong 2.508 lượt đọc, 47% được đánh giá "rất thú vị", 28% "thú vị", 19% "khá thú vị", chỉ khoảng 6% ở hai mức ít thú vị nhất.

Kết quả này phù hợp với đặc trưng của ĐMR là trao quyền lựa chọn và giảm áp lực kiểm tra chi tiết. Người học có thể chọn thể thao, văn hóa - xã hội, truyện vui hoặc các chủ đề khác tùy sở thích. Các nghiên cứu về ĐMR cũng nhấn mạnh vai trò của mức độ dễ tiếp cận và quyền lựa chọn trong việc duy trì động lực (Ng et al., 2019; Renandya et al., 2021). Tuy nhiên, bảy học viên vẫn lo lắng cho thấy "tự do lựa chọn" không đồng nghĩa với việc người học yếu tự động cảm thấy an toàn; họ vẫn cần được hỗ trợ nhận diện văn bản vừa sức và chiến lược đối phó với từ chưa biết.

**4.3. Chiến lược xử lý từ mới và lợi ích ngôn ngữ được cảm nhận**

Khi được hỏi cách xử lý từ chưa biết, 15 học viên (46%) cho biết đoán nghĩa theo ngữ cảnh, sáu học viên (18%) chủ động bỏ qua những từ không quan trọng để giữ dòng đọc và 12 học viên (36%) tra từ điển. Đáng chú ý, trong nhóm tra từ điển có bảy học viên cho biết họ chủ yếu dùng từ điển để kiểm tra lại phán đoán, trong khi năm học viên có thói quen dịch sang tiếng mẹ đẻ. Dữ liệu bảng hỏi tương ứng cho thấy 24/33 học viên vẫn tiếp tục đọc khi chưa hiểu toàn bộ từ mới. Một bộ phận học viên vẫn duy trì thói quen tra nghĩa từ mới, cho thấy chiến lược đọc cũ chưa hoàn toàn được thay thế.

Về lợi ích cảm nhận, 33/33 học viên đồng ý hoặc rất đồng ý rằng họ học được nhiều từ mới hơn khi ĐMR. Trong phỏng vấn, 17 ý kiến nhấn mạnh "học từ vựng dễ dàng hơn", 10 ý kiến nhắc đến "đọc hiểu nhanh hơn" và sáu ý kiến đề cập khả năng "sử dụng từ tốt hơn". Đây là kết quả phù hợp với cơ chế tái tiếp xúc từ vựng trong ngữ cảnh và với các nghiên cứu đã chỉ ra tiềm năng của ĐMR đối với phát triển từ vựng (Horst, 2005; Liu & Zhang, 2018; Suk, 2017).

Dẫu vậy, cần phân biệt rõ giữa "lợi ích được người học cảm nhận" và "mức tăng năng lực được đo lường". Nghiên cứu không sử dụng bài kiểm tra từ vựng hoặc bài đo tốc độ đọc trước - sau. Vì vậy, việc 27/33 học viên cho rằng họ đọc nhanh hơn trước và 33/33 cảm nhận học được nhiều từ hơn là bằng chứng có giá trị về nhận thức, chiến lược và tự đánh giá, nhưng chưa đủ để kết luận ĐMR đã gây ra một mức tăng định lượng về tốc độ đọc hay vốn từ. Điểm này cũng gợi ý hướng thiết kế nghiên cứu tiếp theo với phép đo khách quan.

**4.4. Ảnh hưởng của bạn học và hoạt động sau đọc**

Môi trường đọc tập thể có ảnh hưởng đáng kể đến động lực đọc. Trong báo cáo ĐMR, 49% lựa chọn tài liệu vì "thấy học viên khác đọc", 44% vì "chủ đề yêu thích" và 7% vì các lý do khác. Ban đầu, giáo viên là nguồn động viên chính, nhưng về sau, hành vi đọc của bạn học trở thành yếu tố duy trì động lực. Chỉ 4/33 học viên đọc vì giáo viên yêu cầu, cho thấy sự chuyển dịch từ động lực bên ngoài sang động lực cá nhân và cộng đồng.

Hoạt động sau đọc giúp kết nối kỹ năng đọc với khả năng diễn đạt. 33/33 học viên thích nghe người khác chia sẻ về tài liệu, nhưng mức độ sẵn sàng tự trình bày khác nhau. Vì vậy, nên tổ chức các hoạt động nhẹ nhàng như chia sẻ theo cặp/nhóm, viết phản hồi ngắn hoặc giới thiệu một ý hay, thay vì bắt buộc thuyết trình trước lớp.

**4.5. Khó khăn khi triển khai**

Khó khăn lớn nhất là nguồn tài liệu: 41% lượt đọc sử dụng bộ Tiếng Việt Vui và 59% từ Internet. Nguồn trực tuyến đa dạng nhưng chưa được phân bậc, chất lượng và độ tin cậy không đồng đều, đồng thời có thể xuất hiện quảng cáo, lỗi ngôn ngữ hoặc nội dung văn hóa khó tiếp cận. Một số học viên mất nhiều thời gian tìm kiếm, sàng lọc tài liệu; Internet không ổn định cũng gây gián đoạn.

Bên cạnh đó, khác biệt trình độ khiến một số học viên yếu vẫn phụ thuộc vào dịch và tra từ từng từ. Với 33 học viên, giáo viên cũng khó theo dõi và phản hồi đầy đủ cho từng người. Do đó, ĐMR cần sự hỗ trợ phù hợp thông qua thiết kế môi trường đọc, tuyển chọn nguồn tài liệu, hướng dẫn chiến lược và theo dõi ở mức vừa phải.

**V. HÀM Ý SƯ PHẠM VÀ ĐỀ XUẤT ÁP DỤNG**

Từ kết quả nghiên cứu, có thể đề xuất mô hình ĐMR trong giờ đọc tiếng Việt theo hướng ngắn, đều đặn và có hỗ trợ. Thứ nhất, duy trì 15–20 phút đọc, hai buổi/tuần để hình thành thói quen đọc. Thứ hai, xây dựng ngân hàng tài liệu tiếng Việt được phân tầng theo độ khó, chủ đề và độ dài, kết hợp tủ sách trực tiếp và nguồn tài liệu số. Thứ ba, hướng dẫn học viên cách chọn văn bản phù hợp, đoán nghĩa qua ngữ cảnh, sử dụng từ điển và đánh giá độ tin cậy của nguồn trực tuyến. Thứ tư, giáo viên giữ vai trò hỗ trợ và điều phối, tổ chức đọc chung, trao đổi và phản hồi thay vì kiểm soát toàn bộ quá trình đọc. Thứ năm, phát huy động lực đồng đẳng thông qua chia sẻ tài liệu, giới thiệu bài đọc và hoạt động câu lạc bộ sách, đồng thời linh hoạt với nhiệm vụ nói trước lớp. Cuối cùng,

nhà trường cần bảo đảm nguồn tài liệu phong phú, quyền tiếp cận thư viện và hạ tầng mạng ổn định để triển khai ĐMR hiệu quả.

## VI. HẠN CHẾ CỦA NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu có một số hạn chế cần được xem xét khi diễn giải kết quả. Thứ nhất, mẫu chỉ gồm 33 học viên của một lớp tại một cơ sở đào tạo và không có nhóm đối chứng, nên khả năng khái quát còn hạn chế. Thứ hai, thời gian 12 tuần tương đối ngắn để đánh giá sự hình thành thói quen đọc bền vững. Thứ ba, các kết quả về tốc độ đọc, từ vựng và tác động đến trình độ tiếng Việt chủ yếu dựa trên tự báo cáo và phỏng vấn, chưa có phép đo chuẩn hóa trước - sau. Thứ tư, giảng viên đồng thời là nhà nghiên cứu có thể tạo hiệu ứng mong đợi xã hội trong bảng hỏi/phỏng vấn, dù nghiên cứu đã nhấn mạnh tính tự nguyện và nhu cầu trả lời trung thực. Thứ năm, chất lượng và độ khó của tài liệu Internet chưa được chuẩn hóa.

Các nghiên cứu tiếp theo nên sử dụng thiết kế bán thực nghiệm hoặc thực nghiệm với nhóm so sánh, đo trước - sau về tốc độ đọc, đọc hiểu và từ vựng; đồng thời theo dõi khối lượng đọc ngoài lớp trong thời gian dài hơn. Một hướng quan trọng khác là xây dựng và kiểm định bộ tài liệu đọc tiếng Việt phân bậc dành cho người học quốc tế.

## VII. KẾT LUẬN

Nghiên cứu hành động cho thấy ĐMR có tính khả thi khi được tích hợp vào giờ đọc tiếng Việt của học viên quốc tế Lào - Campuchia tại Học viện Quân y. Trong 12 tuần, người học tham gia với khối lượng đọc lớn, đánh giá tích cực phần lớn tài liệu, thể hiện thái độ thuận lợi đối với hoạt động ĐMR và cho biết đã sử dụng nhiều hơn các chiến lược như đoán nghĩa theo ngữ cảnh hoặc tiếp tục đọc khi chưa hiểu toàn bộ từ mới. Quyền lựa chọn tài liệu và tác động tích cực của bạn học là hai yếu tố nổi bật góp phần duy trì động lực. Đồng thời, nghiên cứu chỉ ra các điều kiện cần giải quyết nếu muốn nhân rộng: nguồn đọc phân bậc, kỹ năng tìm kiếm - sàng lọc tài liệu, hỗ trợ người học yếu, cách tổ chức hoạt động sau đọc và nguồn lực của giáo viên.

Về mặt giáo dục, ĐMR nên được xem là phần bổ trợ cho đọc chuyên sâu chứ không thay thế hoàn toàn. Sự kết hợp giữa đọc chuyên sâu để xử lý ngôn ngữ có hướng dẫn và ĐMR để tăng lượng tiếp xúc, quyền tự chủ và hứng thú đọc có thể phù hợp với mục tiêu chuẩn bị cho học viên quốc tế bước vào môi trường học tập chuyên ngành bằng tiếng Việt. Tuy nhiên, để khẳng định mức độ cải thiện năng lực đọc, cần có các nghiên cứu tiếp theo với đo lường khách quan và thiết kế đối chứng chặt chẽ hơn.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO


Burns, A. (2010). Doing action research in English language teaching: A guide for practitioners. Routledge.

Day, R. R., & Bamford, J. (2002). Top ten principles for teaching extensive reading. Reading in a Foreign Language, 14(2), 136-141.

Hitosugi, C. I., & Day, R. R. (2004). Extensive reading in Japanese. Reading in a Foreign Language, 16(1), 20-39.

Horst, M. (2005). Learning L2 vocabulary through extensive reading: A measurement study. The Canadian Modern Language Review, 61(3), 355-382. https://doi.org/10.1353/cml.2005.0018

Liu, J., & Zhang, J. (2018). The effects of extensive reading on English vocabulary learning: A meta-analysis. English Language Teaching, 11(6), 1-15. https://doi.org/10.5539/elt.v11n6p1

McLean, S., & Rouault, G. (2017). The effectiveness and efficiency of extensive reading at developing reading rates. System, 70, 92-106. https://doi.org/10.1016/j.system.2017.09.003

Ng, Q. R., Renandya, W. A., & Chong, M. Y. C. (2019). Extensive reading: Theory, research and implementation. TEFLIN Journal, 30(2), 171-186. https://doi.org/10.15639/teflinjournal.v30i2/171-186

Nguyễn Thúy Hạnh. (2023). Nghiên cứu tác động của "đọc rộng" đến thái độ và thói quen đọc sách trong học tiếng Anh của sinh viên. Tạp chí Giáo dục, 23(6), 39-44.

Phạm Thị Hoàng Ngân. (2019). Using extensive reading to improve students' reading ability. TNU Journal of Science and Technology, 199(06), 45-50.

Renandya, W. A., Ivone, F. M., & Hidayati, M. (2021). Extensive reading: Top ten implementation issues. JACET Journal, 65, 11-21. https://doi.org/10.32234/jacetjournal.65.0_11

Robb, T. N., & Ewert, D. (2024). Classroom-based extensive reading: A review of recent research. Language Teaching. Advance online publication.

Sangers, N. L., van der Sande, L., Welie, C., Dobber, M., & van Steensel, R. (2025). Learning a language through reading: A meta-analysis of studies on the effects of extensive reading on second and foreign language learning. Educational Psychology Review, 37, 96. https://doi.org/10.1007/s10648-025-10068-6

Suk, N. (2017). The effects of extensive reading on reading comprehension, reading rate, and vocabulary acquisition. Reading Research Quarterly, 52(1), 73-89. https://doi.org/10.1002/rrq.152

Yamashita, J. (2004). Reading attitudes in L1 and L2, and their influence on L2 extensive reading. Reading in a Foreign Language, 16(1), 1-19.